

“ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA” NỘI DUNG CỐT LÕI CỦA TRIẾT LÝ YÊU NƯỚC VIỆT NAM

TS. Đồng Thị Tuyền

Khoa Khoa học cơ bản, Đại học Phenikaa

Email: tuyen.dongthi@phenikaa-uni.edu.vn.

Tóm tắt: Triết lý “độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia” là một nội dung cốt lõi của triết lý yêu nước Việt Nam. Triết lý này đã kết tinh những tình cảm thiêng liêng và tư duy sáng tạo của con người Việt Nam đối với non sông đất nước của mình. Nó biểu hiện sôi nổi khi đất nước bị lâm nguy, lắng xuống trong những thời gian hòa bình, nó thấm vào những nỗ lực kiến thiết nhằm củng cố nền tự chủ. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân phát huy mạnh mẽ những giá trị quý báu của triết lý “độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia”; từ đó đã góp phần tạo nên những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước trong sự nghiệp đổi mới.

Từ khóa: Việt Nam, triết lý yêu nước, độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia.

Nhận bài: 26/12/2025; **Biên tập:** 27/12/2025; **Phản biện:** 28/12/2025; **Duyệt đăng:** 6/1/2025.

1. Đặt vấn đề

Trong bản “Tuyên ngôn độc lập” của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng tuyên bố tại quảng trường Ba Đình ngày mùng 2 tháng 9 năm 1945. Một lần nữa, ý chí quyết tâm vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam, vì chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc tiếp tục được khẳng định, rằng: “Các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”; “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do độc lập và thật sự đã thành nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” [6, tr.581]. Triết lý về độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia tiếp tục được khẳng định trong thời đại mới và được phát huy trên con đường phát triển đất nước.

Con người Việt Nam trong lịch sử là con người yêu nước nồng nàn, biết hy sinh lợi ích và tính mạng bản thân để bảo toàn biên cương lãnh thổ, bảo vệ Tổ quốc và nền độc lập dân tộc, tự chủ được ông cha ta dựng xây từ hàng nghìn năm nay. Con người Việt Nam trong thời đại mới biết tiếp bước cha anh quyết tâm gìn giữ nền độc lập, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; ý chí quyết tâm khắc phục khó khăn, chống thiên tai, địch họa để xây dựng quê hương đất nước thêm giàu mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Dù cho bất cứ điều kiện nào, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam phải kiên quyết bảo vệ vị thế đất nước độc lập tự do, sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền Tổ quốc thiêng liêng và lợi ích cao nhất của dân tộc, của đất nước và của nhân dân Việt Nam, đó là nguyên tắc bất di bất dịch.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Triết lý về “độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia” trong lịch sử Việt Nam

Dân tộc là một cộng đồng người thống nhất, ổn định và bền vững về ngôn ngữ, lãnh thổ, kinh tế và văn hóa. Trong quá trình hình thành và phát triển, dân tộc Việt Nam thường xuyên bị các thế lực ngoại bang hùng mạnh đe dọa và xâm lược. Cho nên, trong nhận thức và tâm thế của mỗi người Việt Nam luôn thường trực ý thức về độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia, coi đó là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm. Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì mọi tầng lớp nhân dân lại đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết và sẵn sàng gạt bỏ mọi lợi ích cá nhân, vượt qua những gian nan thử thách, chấp nhận hy sinh vì độc lập dân tộc. Ý chí độc lập và chủ quyền quốc gia của dân tộc ta đã tạo nên bản sắc riêng và khẳng định sự tồn tại vững chãi của một dân tộc Việt Nam anh hùng.

Lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam đã chứng minh: với ý chí mạnh mẽ, sự tự tin mãnh liệt, với lòng quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ, nhân dân ta đã đánh bại cuộc xâm lược của nhà Tần (214 - 208 tr.CN) và những cuộc xâm lược của ngoại bang về sau này. Điển hình như:

Trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc (179 tr.CN - 938), sự đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc đã không vùi dập được ý chí độc lập, khẳng định chủ quyền của dân tộc ta. Triết lý “Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh” đã thể hiện ý chí quật cường của dân tộc Việt Nam không phân biệt già trẻ, gái trai. Đại diện cho “sức mạnh” của nữ anh hùng dân tộc là ý chí của Bà Trưng: “Một xin rửa sạch nước thù/ Hai xin đem lại nghiệp xưa vua Hùng” [dẫn theo: 8, tr.108], quyết giành lại và thực hiện sự nghiệp mà các vua Hùng đã xây dựng nên; là quyết tâm của Bà Triệu: “Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ tôi không chịu khom lưng làm tỳ thiếp

người” [dẫn theo:10, tr.109]. Những lời lẽ tuyên bố danh thếp của người đứng đầu cuộc khởi nghĩa đã khẳng định tinh thần yêu nước quện chặt với lý tưởng giải phóng con người, giải phóng dân tộc. Lý Bí tuyên bố dựng nước (năm 544), đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, lên ngôi hoàng đế, tự xưng là Nam Đế đã thể hiện lòng tự tin sắt đá, sức mạnh vô biên của dân tộc. Điều đó cũng chứng tỏ khả năng của nhân dân ta có thể vươn lên, tự lực, tự cường phát triển một cách độc lập. Đồng thời, sự tuyên bố đó cũng đã chỉ rõ ranh giới giang sơn xã tắc và khẳng định dân tộc Việt Nam là một dân tộc độc lập, có chủ quyền. Năm 905, tận dụng cơ hội chính quyền trung ương nhà Đường suy yếu và chính quyền đô hộ ở nước ta đang hoang mang, được sự ủng hộ của nhân dân, Khúc Thừa Dụ đã tự xưng là tiết độ sứ và giành quyền tự trị cho nước nhà. Năm 931, Dương Đình Nghệ đã đánh tan quân Nam Hán và tiếp tục công cuộc tự chủ của họ Khúc,... Đặc biệt năm 938, dưới sự lãnh đạo của người anh hùng dân tộc Ngô Quyền, chiến thắng Bạch Đằng vang dội của quân và dân ta đã kết thúc đêm trường nô lệ dài hơn 10 thế kỷ, mở ra một thời kỳ mới - thời kỳ phát triển của quốc gia phong kiến độc lập của dân tộc Việt Nam.

Sau hơn một nghìn năm đấu tranh chống quân xâm lược phương Bắc để giành quyền tự chủ và nền độc lập cho dân tộc, tinh thần yêu nước của nhân dân ta ngày càng lên cao. Điều đó thể hiện ở ý chí quyết tâm giữ vững độc lập dân tộc, khẳng định chủ quyền quốc gia trên tất cả các phương diện.

Trong các cuộc kháng chiến chống Nam Hán, Tống, Mông - Nguyên và chống Minh, triết lý yêu nước của dân tộc Việt Nam được bổ sung bằng thực tiễn đấu tranh giành độc lập dân tộc. Nổi bật như bản tuyên ngôn “Nam quốc sơn hà” (tương truyền của Lý Thường Kiệt) đã khẳng định rằng: “Nam quốc sơn hà Nam đế cư,/ Tiệt nhiên định phận tại thiên thư./ Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?/ Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư” [1, tr.329 - 330]. Triết lý đó đã tuyên bố một cách danh thếp, hùng hồn tư tưởng về một nước Nam có độc lập chủ quyền, có bờ cõi lãnh thổ xác định; khẳng định nước ta là Nam quốc ngang hàng với Bắc quốc; đồng thời, phủ định hoàn toàn tư tưởng ngạo mạn của quân xâm lược phương Bắc; khẳng định Đại Việt là một đất nước có chủ, có người đứng đầu. Triết lý đó đã xác lập tinh thần tự chủ của dân tộc từ phương diện con người, biểu trưng cho sức mạnh của nhân dân một đất nước độc lập. Do đó, đương nhiên nền độc lập chủ quyền của quốc gia ấy phải được tôn trọng. Triết lý đó cũng là sự khẳng định niềm tự hào của quân dân ta, niềm tin vào sức mạnh dân tộc, xóa nhòa tư tưởng nước lớn của phương Bắc và nhấn mạnh quyền được hưởng độc lập chủ quyền, quyền được bình đẳng với các nước láng giềng. Chân lý ấy là hiển nhiên, không thể chối cãi. Trên cơ sở xác nhận tính chính nghĩa của nền độc lập dân tộc, chúng

ta cũng có quyền phê phán những kẻ chà đạp lên chính nghĩa, những lũ “nghịch lỗ”, không biết thị phi đem quân đi xâm chiếm một đất nước yêu chuộng hòa bình, người dân hồn hậu chất phác. Dĩ nhiên chúng đã phải chấp nhận “thủ bại hư”. Đó là luật nhân quả, kẻ gieo gió ắt sẽ gặt bão, làm việc phi nghĩa tất yếu sẽ chỉ chuốc lấy những thất bại nặng nề mà thôi. Lờn cảnh tình đối với quân giặc còn thể hiện niềm tin sắt son, vững bền của người dân Đại Việt vào một chiến thắng không còn xa, một chiến thắng mang tính tất yếu, được trời và người ủng hộ, hợp với ý trời, lẽ trời. Đó cũng là niềm tin vào khả năng giữ gìn và bảo vệ nền độc lập chủ quyền của dân tộc. Hòa trong dòng chảy chung của tư tưởng dân tộc, bốn câu thơ ngắn gọn, súc tích của “bài thơ thần” trên đã truyền tải những tư tưởng triết học thông qua lớp ngôn ngữ văn chương, đó là triết lý yêu nước và nhân sinh sâu sắc: khẳng định chủ quyền dân tộc. Triết lý về nền độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân ta đã được tuyên bố hết sức rành mạch, mang đậm những nét đẹp tư tưởng rất riêng của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng đó đã cho thấy bước trưởng thành về mặt ý thức dân tộc của nhân dân ta từ thế kỷ XI; khẳng định ý chí của nhân dân quyết tâm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc đã giành được từ thời Ngô Quyền và đã được củng cố hơn một thế kỷ; quy tụ tinh thần yêu nước sâu sắc và ý thức về một nền độc lập tự chủ dài lâu và tất yếu của dân tộc.

Ý chí độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia còn thể hiện ở sự quyết tâm cao mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng của mỗi binh sĩ dưới sự chỉ huy của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Để động viên tướng sĩ, ông chứng minh rằng sự còn hay mất của mỗi người gắn liền với sự được hay thua của mỗi cuộc chiến đấu, rằng lợi ích thiết thân của mỗi người gắn chặt với lợi ích tối cao của Tổ quốc: Không có gì thiết thực và thiết thân hơn độc lập dân tộc! Trần Quốc Tuấn hiểu rất rõ chân lý mà dân tộc ta từng thể nghiệm qua ngàn năm lịch sử: độc lập dân tộc gắn liền với tài sản, gia đình, với cuộc sống và danh dự của mỗi con người. Cùng với ý chí quyết tâm giành độc lập dân tộc của Trần Quốc Tuấn, Trần Bình Trọng với lời thét hiên ngang: “Thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc” [dẫn theo: 9, tr.55]. Như vậy, yêu nước có nghĩa là bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia đã trở thành một nội dung chủ yếu, nền tảng của triết lý yêu nước Việt Nam, trở thành động lực tinh thần mạnh mẽ để dân tộc Việt Nam giữ vững độc lập chủ quyền của mình trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Trong thời kỳ xây dựng quốc gia phong kiến thống nhất (thế kỷ X - XIX), các triều đại phong kiến luôn thể hiện đường lối độc lập tự chủ và ngang hàng với phương Bắc, điều đó đã được Nguyễn Trãi đúc kết trong Bình Ngô đại cáo rằng: “Như nước Đại Việt ta từ trước/ Vốn xưng nền văn hiến

đã lâu/ Núi sông bờ cõi đã chia/ Phong tục Bắc Nam cũng khác/ Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập/ Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương/ Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau/ Song hào kiệt đời nào cũng có”. [dẫn theo: 2, tr.168]. Nguyễn Trãi đã thấy cần thiết phải bằng lý luận của mình làm suy sụp ý chí ngông cuồng của giặc, đồng thời nâng cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng của quân ta. Ông đã nghĩ tới những yếu tố cấu thành một quốc gia để từ đó suy xét tới quốc gia Đại Việt; so sánh với quốc gia Trung Hoa trên từng điểm để thấy sự ngang hàng của hai bên; bằng sự kiện lịch sử để nói lên truyền thống quật cường của dân tộc. Điều đó cũng có nghĩa là tư duy về quốc gia Đại Việt phải có chiều sâu hơn nữa, ý thức chính trị phải được khẳng định một cách mạnh mẽ. Nguyễn Trãi thấy được điều đó, nên ông nhấn mạnh vào tính chất xác thực, tính chất toàn vẹn, tính chất bất khả xâm phạm lãnh thổ Đại Việt. “Bình Ngô đại cáo” được coi như bản Tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của nước ta, Nguyễn Trãi đã tuyên bố chủ quyền quốc gia bất khả xâm phạm với những tiêu chí được đặt ra không thể chối cãi. Ông đã lên án sự bóc lột tàn bạo của phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta rằng: “Tát cạn nước Đông Hải không đủ rửa hết vết nhơ/ Chặt hết trúc Nam Sơn chẳng ghi đủ tội ác” [2, tr.137]. Trong bất cứ hoàn cảnh nào chúng ta cũng không thể “đội trời chung” với giặc, quyết tâm “rửa nhục nghìn thu”, giành độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ. Cùng với những triết lý đanh thép trong Bình Ngô đại cáo, trong Dư địa chí, Nguyễn Trãi viết: “Biển cùng Lục Đầu, Yên Tử ở về Hải Dương”, “Biển Cùng Vân, Linh ở về Thuận Hóa” [dẫn theo: 4, tr.168]. Qua đó, ông đã đưa ra những nhận định đúng đắn, có tầm nhìn xa trông rộng về lãnh thổ và chủ quyền đất nước; toàn vẹn lãnh thổ tức là không chỉ chú trọng bảo vệ lãnh thổ ở vùng đất liền mà còn đặc biệt quan tâm đến bảo vệ vùng biển, đảo của đất nước.

Dưới thời Lê sơ, ý thức bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia đã được Lê Thánh Tông rất chú trọng. Đó là việc phòng bị biên giới, ngăn ngừa những điều bất trắc xảy ra nơi biên ải. Trong thời gian trị vì đất nước (1460 - 1497), ông đã ban nhiều sắc dụ căn dặn các tướng giữ biên ải phải luôn đề cao ý thức cảnh giác, làm tốt chức trách của mình. Ông nói: “Quan coi giữ bờ cõi của triều đình, cố nhiên phải giữ đất yên, đánh ngăn giặc ngoài là chức phận của mình”; “Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ?” [8, tr.306]. Sự trường tồn của giang sơn xã tắc trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước Việt Nam cũng đã được Lê Thánh Tông khẳng định: “Thiên Nam vạn cổ sơn hà tại/ Chính thị tu văn yển vũ niên” (Trời Nam sông núi bền muôn thuở/ Gìn giữ, giờ đây lo chính văn) [8, tr.306]. Tự hào về đất nước của mình là cần thiết nhưng không được chủ quan, lơ là trong việc đấu

tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc. Trên cơ sở nhận thức đúng đắn rằng: “Của báu của một nước không gì quý bằng đất đai: nhân dân và của cải do đất mà sinh ra” [4, tr.165]. Cho nên, việc bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ là mối quan tâm hàng đầu của các vị vua Lê.

Ý chí độc lập dân tộc, bảo vệ chủ quyền đất nước không chỉ thể hiện ở việc chống giặc ngoại xâm, mà còn thể hiện ý chí thống nhất đất nước, kiên quyết đấu tranh chống lại sự chia cắt đất nước. Ở thế kỷ XVIII, do khủng hoảng chính trị - xã hội đã dẫn đến sự chia cắt đất nước thành Đảng Trong và Đảng Ngoài nên đã có nhiều phong trào nông dân, trong đó nổi bật là phong trào Tây Sơn do Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo, nổi lên mạnh mẽ với ý chí khôi phục đất nước thống nhất, độc lập. Hoàng đế Quang Trung đã kêu gọi nhân dân đoàn kết chống kẻ thù chung là giặc phương Bắc để bảo toàn lãnh thổ - quốc gia. Ông cho rằng, sự phân định Bắc Nam là chân lý hiển nhiên “đã được an bài ở trong vũ trụ, đó là quy luật mà trời đất sắp đặt” [4, tr.170]. Vì vậy, độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ là điều rất thiêng liêng đối với dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước, sức mạnh, ý chí độc lập được thể hiện thông qua các phong trào yêu nước của dân tộc chống thực dân Pháp xâm lược. Nhà yêu nước Phan Bội Châu - tiêu biểu cho phong trào yêu nước thời kỳ đó đã “hát một thiên cứu quốc”, rằng: “Yêu gì hơn yêu nước nhà ta”, nhằm nêu lên cho thế hệ thanh niên Việt Nam một lý tưởng, một lẽ sống chân chính, cao quý. Phan Bội Châu đã nung nấu lòng căm thù quân cướp nước, quyết nuôi trong tâm trí các lớp thanh niên cái chí căm thù giặc sâu sắc đến nỗi “trong giấc ngủ còn giật mình gọi bạn: Đánh! Đánh! Đánh! Trả lại cho ta trời đất độc lập nước non nhà!” [3, tr.344]. Phan Bội Châu dạy thanh niên phải dám hy sinh tất cả, kể cả tính mạng của mình để góp công cứu nước, phải “dựng gan óc lên đánh tan sắt lửa, xối máu nóng rửa vết nhơ nô lệ” [3, tr.344]. Đó là triết lý hùng hồn có sức “dựng đứng” người dậy, khi lâm ly, khi khẳng khái lại bóng bẩy dễ đập vào trí và dễ rung động tâm hồn.

Từ phong trào yêu nước của dân tộc, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước. Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam; ý chí độc lập, sức mạnh dân tộc đã được nâng lên tầm cao mới. Với ý chí đó, ngày 19/8/1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã làm nên một cuộc cách mạng Tháng Tám thành công rực rỡ. Đây là một cuộc cách mạng vĩ đại bậc nhất trong lịch sử Việt Nam: Giành lại nền độc lập dân tộc sau gần 100 năm trong vòng nô lệ của chủ nghĩa thực dân Pháp; đập tan xiềng xích áp bức hàng nghìn

năm của chế độ phong kiến; khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa; lập nên Nhà nước “của dân, do dân và vì dân”; mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

2.2. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân phát huy triết lý “độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia” trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay

Trong thời đại ngày nay, mỗi người dân Việt Nam đều thấm sâu lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, ý chí thống nhất Tổ quốc của nhân dân cả nước không bao giờ lay chuyển” [7, tr.245]; “Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta” [5, tr.250]; “Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi” [5, tr.280],... Người đã coi nguyện vọng đó như là sự “bất biến” để ứng phó với “vạn biến”. Chính điều đó đã khích lệ tinh thần yêu nước của cả dân tộc, quyết chiến đấu và chiến thắng vì độc lập, thống nhất đất nước. Đó cũng chính là mệnh lệnh đạo đức cho từng người Việt Nam đối với vận mệnh của đất nước trong mọi hoàn cảnh.

Một trong những bài học trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa đều được các Đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam liên tiếp khẳng định và nêu cao, đó là: “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế”. Sức mạnh thời đại, sức mạnh quốc tế là khách quan, nhưng muốn khai thác và phát huy sức mạnh ấy nhằm làm tăng thêm sức mạnh dân tộc để từ đó tranh thủ được sức mạnh “bên ngoài” lại phải thông qua vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng.

Trên cơ sở vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, từ khi mới ra đời, Đảng ta đã xác định cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới, đặt cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của thời đại, gắn cách mạng nước ta với cách mạng thế giới. Nhờ vậy, đã định ra đường lối đối ngoại đúng đắn góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng. Trên cơ sở đường lối chiến lược đúng đắn, trong từng giai đoạn cách mạng, trước sự tác động của những nhân tố khách quan vào cách mạng nước ta, Đảng ta luôn luôn phân tích kỹ tình hình đưa ra những nhận định đúng và từ đó có biện pháp giải quyết phù hợp, kịp thời.

Minh chứng lịch sử đã cho thấy, thắng lợi của cuộc cách mạng Tháng Tám 1945 là thắng lợi của việc Đảng ta giải quyết tốt mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế - giữa độc lập dân tộc và đoàn kết quốc tế. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta vẫn ra sức phát huy nhân tố quốc tế nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày nay, sự nghiệp đổi mới của nước ta ngày càng phát triển, quá trình hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới càng được đẩy mạnh thì việc phát huy những nhân tố “độc lập dân tộc” trong “quan hệ quốc tế” càng đòi hỏi lớn, càng có tính thời sự sâu sắc. Chúng ta đang chứng kiến một thế giới đầy biến động, trật tự cũ đã thay đổi, trật tự mới đang hình thành, tình hình thế giới đang diễn biến phức tạp, chứa đựng nhiều yếu tố bất trắc và những thay đổi khó lường. Khoa học và công nghệ có bước tiến nhảy vọt. Toàn cầu hóa kinh tế đang lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia chứa đựng mặt tích cực cũng như mặt tiêu cực, vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại biểu hiện nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp vẫn diễn ra gay gắt. Thế giới đang đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu. Ưu thế về vốn, khoa học và công nghệ, thị trường đang nằm trong tay những “cường quốc về kinh tế” như Mỹ, Trung Quốc,... Các quốc gia độc lập ngày càng tăng cường đấu tranh để lựa chọn con đường đi lên của mình. Trong bước thăng trầm của cách mạng, Đảng ta đã tìm thấy ở đó những bài học thành công cũng như những bài học thất bại, thông qua đó thúc đẩy toàn thể dân tộc ta tạo ra bước phát triển mới của phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trước những diễn biến trên nhằm phát huy những nhân tố khách quan trong quan hệ hợp tác quốc tế, chúng ta cần quán triệt và thực hiện tốt nhiệm vụ đối ngoại trên tinh thần: Tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình và tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm độc lập chủ quyền quốc gia đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, nhằm phát huy nhân tố “nội lực” kết hợp với “ngoại lực” trong thời kỳ mới có hiệu quả, chúng ta cần vận dụng những quan điểm của Hồ Chí Minh trong việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Luôn gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, gắn cách mạng Việt Nam trong xu thế của thời đại. Phát huy bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong quá trình đổi mới, Đảng ta vẫn luôn luôn xác định cách mạng Việt Nam là bộ phận cách mạng thế giới, Việt Nam đã, đang ủng hộ các phong trào cách mạng, các xu hướng, trào lưu tiến bộ trên thế giới đang đấu tranh cho mục tiêu thời đại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Muốn phát huy được những nhân tố trên, chúng ta phải nêu cao ý thức độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường. Bởi lẽ, chỉ trên cơ sở sức mạnh bên trong

chúng ta mới tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ bên ngoài, trong quá trình đấu tranh cách mạng trước đây đã kiểm chứng điều đó, ngày nay trong điều kiện thế giới có nhiều thay đổi thì việc phát huy nội lực bên trong càng có tầm quan trọng đặc biệt.

Chủ Hồ Chí Minh là người đặt nền móng cho đường lối ngoại giao rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa, hợp tác nhiều mặt với tất cả các nước trên nguyên tắc tôn trọng “độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ không can thiệp vào nội bộ của nhau”. Tư tưởng trên là tiền đề cho đường lối ngoại giao của Đảng ta. Vận dụng tư tưởng trên, trong điều kiện thế giới ngày nay đòi hỏi chúng ta phải xử lý khôn khéo các mối quan hệ, quán triệt tư tưởng “dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Chúng ta làm tốt vấn đề này tức là đã giải quyết mối quan hệ giữa độc lập tự chủ với mở rộng đối ngoại.

Trong quá trình đổi mới, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta phát huy một cách có hiệu quả giá trị về “độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia” trong quan hệ quốc tế để xây dựng và phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng các mối quan hệ với nhiều nước trên thế giới và khu vực, tạo thế và lực mới cho cách mạng Việt Nam.

3. Kết luận

Triết lý “độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia” đã thể hiện tư duy, bản lĩnh vững vàng của ông cha ta trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm để bảo vệ Tổ quốc và trong xây dựng, phát triển đất nước. Những nội dung triết lý yêu nước mang đậm bản sắc Việt Nam tiếp tục được Đảng và nhân dân ta phát huy cao độ trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vận dụng triết lý yêu nước đó, trong lĩnh vực đối ngoại, Việt Nam luôn ở trong thế “ứng

vạn biến” để phù hợp với xu thế vận động chung của thế giới. Đó chính là tư duy biện chứng của những nhà lãnh đạo đất nước và cũng là một thành tố quan trọng trong triết lý yêu nước của dân tộc Việt Nam.

Với những ý nghĩa tốt đẹp đó, cần: “Tăng cường tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia” cho thế hệ trẻ, nhất là sinh viên Việt Nam hiện nay, nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo vệ lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại mới. Đồng thời, góp phần vào việc tạo nên một diện mạo mới cho nền giáo dục Việt Nam, làm cho nền giáo dục nước nhà phát triển, góp phần đưa đất nước tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đào Duy Anh (2004). *Đại Việt sử ký toàn thư (Tái bản có chỉnh sửa và bổ sung)*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
- [2]. Trần Văn Giàu (2006). *Đạo làm người từ Lý Thường Kiệt đến Hồ Chí Minh*. Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.
- [3]. Lê Thị Lan (2020, chủ biên). *Tư tưởng yêu nước Việt Nam thời kỳ phong kiến độc lập (938 - 1884)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- [4]. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập, tập 4*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
- [5]. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập, tập 8*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
- [6]. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập, tập 13*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- [7]. Nguyễn Tài Thư (1993, chủ biên). *Lịch sử tư tưởng Việt Nam, tập 1*. Hà Nội: Nxb. khoa học xã hội.
- [8]. Phan Mạnh Toàn (2018, chủ biên). *Triết lý bảo vệ Tổ quốc Việt Nam truyền thống*. Hà Nội: Nxb. Lý luận chính trị.

“National independence and sovereignty” - The core content of Vietnamese patriotic philosophy

Dr. Dong Thi Tuyen

Faculty of Basic Sciences, Phenikaa University

Email: tuyen.dongthi@phenikaa-uni.edu.vn.

Abstract: The philosophy of "national independence and sovereignty" is a core content of Vietnamese patriotic philosophy. This philosophy embodies the sacred feelings and creative thinking of the Vietnamese people towards their homeland. It manifests itself vigorously when the country is in danger, subsides during times of peace, and permeates the efforts to build and consolidate national independence. In the context of current international integration, the Communist Party of Vietnam has led the people in strongly promoting the precious values of the philosophy of "national independence and national sovereignty"; thereby contributing to great achievements in all fields of politics, economics, culture, society, national defense, security, and foreign affairs of the country in the cause of renovation.

Keywords: Vietnam, patriotic philosophy, national independence, national sovereignty.